TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2018/DS-PT
Ngày: 02-02-2018
V/v tranh chấp hợp đồng dịch vụ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sỹ Danh Đạt.

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Mai;

Ông Nguyễn Tấn Tặng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trương Huỳnh Anh – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Bình Thành – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 02/02/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 273/2017/TLPT- DS ngày 29/11/2017 về Tranh chấp hợp đồng dịch vụ.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 58/2017/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố S bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 383/2017/QĐ-PT ngày 25 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Trần Thị Huỳnh M, sinh năm 1966;

Địa chỉ nơi cư trú: Số nhà A, Khóm S, Phường D, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn*: Võ Chí Đ (D), sinh năm 1975;

Địa chỉ nơi cư trú: Số nhà Z, đường R, khóm T, phường A, thành phố S, tỉnh Đồng Tháp.

- *Người kháng cáo*: Bà Trần Thị Huỳnh M là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn bà Trần Thị Huỳnh M trình bày:

Vào ngày 03/3/2017, bà có thỏa thuận thuê anh Đ làm căn nhà tiền chế diện tích khoảng 36m^2. Sau đó, anh Đ có vẽ phát họa hình thể căn nhà và ghi quy cách vật liệu giao cho bà giữ. Bà giao tiền cho anh Đ mua vật liệu và bà chỉ phải trả tiền công cho anh Đ. Hai bên không thỏa thuận tiền công là bao nhiêu và hợp đồng không làm giấy tờ. Ngày 15/3/2017 anh Đ tiến hành làm nhà đến ngày 18/3/2017 thì hoàn thành căn nhà. Trong thời gian làm nhà, bà đã giao tiền cho anh Đ 03 lần, tổng cộng là 23.000.000 đồng. Bà xác định anh Đ làm căn nhà tiền chế cho bà vật liệu không đúng quy cách nên giá trị căn nhà chỉ khoảng 13.000.000đồng (kể cả tiền vật liệu và tiền công). Cơ sở để xác định giá trị căn nhà là bà đã khảo sát giá thị trường ở những nơi nhận làm nhà như anh Đ và được họ xác định căn nhà của chị giá khoảng 350.000đồng/m^2. Nay bà đồng ý tính giá tiền căn nhà anh Đ thi công cho bà là 400.000đồng/m^2 x 36m^2 = 14.400.000 đồng nên bà chỉ yêu cầu anh Đ trả lại số tiền là 8.600.000 đồng.

- Bị đơn anh Võ Chí Đ trình bày:

Anh thừa nhận có làm căn nhà tiền chế cho bà Trần Thị Huỳnh M vào ngày tháng năm như bà M trình bày. Về quy cách vật liệu, giá tiền anh có ghi trong giấy giao cho bà M. Anh xác nhận tờ giấy ghi quy cách vật liệu, giá tiền và phát họa hình thể căn nhà mà bà M giao nộp cho Tòa án là của anh ghi. Tuy nhiên, trong đó anh có ghi nhầm loại vật liệu: Tol xanh ngọc 4,5li (thay vì phải ghi là 4,5dem), vì quy cách vật liệu tol không tính bằng li. Theo thỏa thuận giữa anh và bà M thì anh nhận làm căn nhà cho bà M theo thiết kế mà bà M đưa ra với tổng giá trị là 24.650.000 đồng (gồm vật liệu và tiền công, lợi nhuận). Trong quá trình xây dựng anh có tạm ứng 02 lần số tiền 19.000.000 đồng để mua vật liệu, sau khi hoàn thành anh nhận thêm 4.000.000 đồng, anh Đức đã giảm cho bà M 1.650.000 đồng nên chỉ nhận tổng cộng là 23.000.000 đồng. Anh xác định quy cách vật liệu sử dụng làm căn nhà cho bà M là đúng theo quy cách anh đã ghi cho bà M theo hóa đơn mua vật liệu tại cửa hàng, nên anh không đồng ý trả lại số tiền 8.600.000 đồng theo yêu cầu của bà M.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 58/2017/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố S đã xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Huỳnh M về việc yêu cầu anh Võ Chí Đ trả số tiền thi công thừa là 8.600.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn tuyên về án phí, chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, quyền và thời hạn kháng cáo, quyền, nghĩa vụ và thời hiệu thi hành án của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 12 tháng 10 năm 2017, bà Trần Thị Huỳnh M làm đơn kháng cáo toàn bộ bản án dân sự sơ thẩm số: 58/2017/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố S. Yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm buộc anh Võ Chí Đ trả lại số tiền thừa là 8.600.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án như sau:

+ Bà Trần Thị Huỳnh M yêu cầu anh Võ Chí Đ trả lại cho bà số tiền 3.500.000 đồng.

+ Anh Võ Chí Đ đồng ý trả lại cho bà Trần Thị Huỳnh M số tiền 3.500.000 đồng.

+ Bà Trần Thị Huỳnh M đồng ý chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm thay cho anh Đ là 300.000 đồng, tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 300.000 đồng.

Bà Trần Thị Huỳnh M có đơn xin miễn tiền án phí và cung cấp sổ hộ nghèo cho Tòa án.

- Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu ý kiến Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật ở giai đoạn phúc thẩm:

+ Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đều chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, sửa bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Trần Thị Huỳnh M và anh Võ Chí Đ thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

[2] Xét yêu cầu xin miễn tiền án phí của bà M do có sổ hộ nghèo (giá trị sử dụng từ 01/01/2018 đến ngày 31/12/2018) là phù hợp theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Do đó, Hội đồng xét xử miễn tiền án phí dân sự phúc thẩm cho bà M.

[3] Xét đề nghị công nhận sự thỏa thuận giữa bà Trần Thị Huỳnh M và anh Võ Chí Đ của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp là có căn cứ và phù hợp theo quy định của pháp luật.

Từ những cơ sở nêu trên, Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận giữa bà Trần Thị Huỳnh M với anh Võ Chí Đ, sửa bản án sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, Điều 300 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án;

Tuyên xử:

1. Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 58/2017/DS-ST ngày 29 tháng 9 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố S.

2. Công nhận sự thỏa thuận của bà Trần Thị Huỳnh M với anh Võ Chí Đ.

Anh Võ Chí Đ đồng ý trả lại cho bà Trần Thị Huỳnh M số tiền 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi bằng 50% mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án cho đến khi thi hành án xong.

3. Về án phí:

Bà Trần Thị Huỳnh M chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 250.000 đồng theo biên lai 13609 ngày 23/5/2017 và 300.000 đồng theo biên lai số 01147 ngày 12/10/2017 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố S. Bà M được nhận lại tiền chênh lệch là 250.000 đồng.

4. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:

Bà Trần Thị Huỳnh M chịu 300.000 đồng (Đã nộp xong).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự .

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Đồng Tháp;
- Phòng KTNV và THA TAND tỉnh ĐT;
- TAND thành phố S;
- Chi cục THADS thành phố S;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Sỹ Danh Đạt